

Số: 39 /TB - ĐHXDMT

Phù Yên, ngày 09 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO

Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1, năm 2023

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung trân trọng thông báo tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1, năm 2023 với các nội dung như sau:

I. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

1. Kỹ thuật xây dựng, mã ngành: 8580201

- Chỉ tiêu: 25 học viên;
- Môn thi tuyển: Toán cao cấp, Sức bền vật liệu, Tiếng Anh.

2. Kiến trúc, mã ngành: 8580101

- Chỉ tiêu: 25 học viên;
- Môn thi tuyển: Lịch sử kiến trúc, Nguyên lý thiết kế kiến trúc, Tiếng Anh.

3. Điều kiện trúng tuyển

- Điểm thi của thí sinh phải đạt từ 5,0 điểm/môn trở lên theo thang điểm 10 đối với các môn cơ bản, cơ sở và có kết quả đạt yêu cầu thi đánh giá năng lực môn tiếng Anh do Nhà trường tổ chức (trình trường hợp được miễn thi ngoại ngữ theo phụ lục 1 đính kèm).

- Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành đào tạo và tổng điểm thi 02 môn (không tính điểm môn ngoại ngữ), Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển, xét theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

4. Hình thức đào tạo

- Chính quy: Đào tạo theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng;
- Vừa làm vừa học: Đào tạo theo định hướng ứng dụng.

5. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo chuẩn: 2,0 năm (24 tháng);
- Thời gian đào tạo tối đa: 4,0 năm (48 tháng).

II. Điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng và Kiến trúc khi đáp ứng được các điều kiện sau:

1. Đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

2. Trường hợp thí sinh đã tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi nhưng có học bổ sung kiến thức phải tham gia học bổ sung kiến thức theo quy định của Nhà trường (danh mục ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức và ngành phù hợp có học bổ sung kiến thức xem phụ lục 2 đính kèm).

III. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ; bổ sung kiến thức và thi tuyển

1. Phát hành và nhận hồ sơ đăng ký dự thi: Từ ngày ra thông báo đến ngày 12/5/2023.
2. Tổ chức bổ sung kiến thức: Từ ngày 15/5/2023 đến ngày 16/6/2023 (kế hoạch và chi phí bổ sung kiến thức sẽ có thông báo sau).
3. Địa chỉ liên hệ tư vấn tuyển sinh, nơi nhận hồ sơ và bổ sung kiến thức:
 - a) Tại Phú Yên
 - Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, số 195, Hà Huy Tập, Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên;
 - Điện thoại: 0962244195; 0905423052; 0984553444.
 - b) Tại Đà Nẵng
 - Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên, Phân hiệu Trường Đại học Xây dựng Miền Trung tại Tp. Đà Nẵng, số 544 B Nguyễn Lương Bằng, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng;
 - Điện thoại: 0962244195; 0905423052; 093577714; 0914372209.
 - c) Tại Gia Lai
 - Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh tại Gia Lai, đường Trần Nhật Duật, thôn 01, xã Diên Phú, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai;
 - Điện thoại: 0962244195; 0905423052; 0983454380.
 - d) Tại Bình Định
 - Trung Tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Bình Định, 107A Thanh Niên, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
 - Điện thoại: 0962244195; 0905423052; 0914031999.
 - đ) Tại Khánh Hòa
 - Trường Đại học Nha Trang, 02 Nguyễn Đình Chiểu, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
 - Điện thoại: 0962244195; 0905423052; 0913463678.
4. Địa điểm thi tuyển: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, Khu B, số 195 Hà Huy Tập, phường Bình Kiến, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
5. Lệ phí đăng ký dự thi và lệ phí thi tuyển: 1.000.000 đồng/thí sinh.

IV. Thời gian thi tuyển, công bố kết quả và nhập học

1. Thời gian thi tuyển: Ngày 24-25/6/2023.
2. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 12/7/2023.
3. Thời gian nhập học: Tháng 8/2023.

Thông tin chi tiết, thí sinh xem tại website: <http://tuyensinh.muce.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, đơn vị;
- Viên chức, người lao động, sinh viên;
- Niêm yết website;
- Lưu: VT; QLĐT.



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 39/TB-ĐHXDĐT, ngày 09 tháng 02 năm 2023)

CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN THI MÔN TIẾNG ANH:

- 1) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- 2) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được Ủy ban Bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận;
- 3) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng Anh;
- 4) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường ĐHXD Miền Trung cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu năng lực ngoại ngữ đạt trình độ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- 5) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời gian không quá 02 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận;
- 6) Có 01 trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam còn hiệu lực trong thời hạn 02 năm tính đến ngày đăng ký dự thi như sau:

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2



TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранным	ТРКИ-1	ТРКИ-2

7) Đối với thí sinh có các chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Nhà trường sẽ xem xét và gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Lưu ý: Các khóa đào tạo thạc sĩ tuyển sinh từ năm 2022 có chuẩn đầu ra đối với trình độ ngoại ngữ đạt từ bậc 4 trở lên hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.



PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông báo số 39 /TB-ĐHXDMT, ngày 09 tháng 02 năm 2023)

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC VÀ NGÀNH PHÙ HỢP CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC TRƯỚC KHI DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2023

1. KỸ THUẬT XÂY DỰNG (8580201)

1.1. Ngành phù hợp với ngành đào tạo không học bổ sung kiến thức

STT	Mã ngành	Ngành đào tạo bậc đại học
1	7580201	Kỹ thuật xây dựng
2	7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
3	7580203	Kỹ thuật xây dựng công trình biển
4	7580204	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm
5	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
6	7580206	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt
7	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
8	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng
9	7580212	Kỹ thuật tài nguyên nước
10	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước

1.2. Ngành phù hợp với ngành đào tạo có học bổ sung kiến thức

STT	Mã ngành	Ngành đào tạo bậc đại học
1	7580301	Kinh tế xây dựng
2	7580302	Quản lý xây dựng
3	7580101	Kiến trúc
4	7580102	Kiến trúc cảnh quan
5	7580103	Kiến trúc nội thất
6	7580104	Kiến trúc đô thị
7	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị
8	7580106	Quản lý đô thị và công trình
9	7580108	Thiết kế nội thất
10	7580111	Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị
11	7580112	Đô thị học



2. KIẾN TRÚC (8580101)

2.1. Ngành phù hợp với ngành đào tạo không học bổ sung kiến thức

STT	Mã ngành	Ngành đào tạo bậc đại học
1	7580101	Kiến trúc
2	7580102	Kiến trúc cảnh quan
3	7580103	Kiến trúc nội thất
4	7580104	Kiến trúc đô thị
5	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị
6	7580106	Quản lý đô thị và công trình
7	7580108	Thiết kế nội thất
8	7580111	Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị
9	7580112	Đô thị học

2.2. Ngành phù hợp với ngành đào tạo có học bổ sung kiến thức

STT	Mã ngành	Ngành đào tạo bậc đại học
1	7580201	Kỹ thuật xây dựng
2	7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
3	7580203	Kỹ thuật xây dựng công trình biển
4	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
5	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
6	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng
7	7580212	Kỹ thuật tài nguyên nước
8	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước

Ghi chú: Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học nằm trong danh mục ngành phù hợp có học bổ sung kiến thức phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học trước khi tham gia dự tuyển. Các học phần bổ sung kiến thức là các học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học của ngành phù hợp với ngành thí sinh đăng ký dự tuyển vào đào tạo trình độ thạc sĩ. Tùy vào bằng đại học đã có, thí sinh phải học khối lượng các học phần bổ sung kiến thức cụ thể, được quy định trong chương trình đào tạo đại học và sẽ có thông báo sau.